

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-PT
Ngày 14 tháng 7 năm 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Việt Tiến;

2. Bà Điều Thị Bích Lược.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2022/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2022/HNGĐ-ST ngày 18/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu Tranh N, xã Bình P, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Lê Thị Q, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu Tranh N, xã Bình P, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ.

Người kháng cáo: Chị Lê Thị Q – là bị đơn.

(Anh N, chị Q đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hoàng N trình bày:

Anh và chị Lê Thị Q được tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 07/3/2009 tại UBND xã Vĩnh P (nay là xã Bình P), huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn hai vợ chồng ở chung với gia đình nhà anh tại khu Tranh N, xã Bình P, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, xô xát. Vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng đầu năm 2021 cho đến nay và không còn quan hệ về mặt tình cảm. Nay xét tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn với chị Lê Thị Q.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Hoàng Lê Quỳnh T, sinh ngày 28/11/2009; Hoàng Minh K, sinh ngày 29/12/2012 và Hoàng Minh Đ, sinh ngày 14/11/2018. Khi ly hôn anh xin được nuôi cháu Hoàng Lê Quỳnh T và để chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và cháu Đ, anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q mỗi cháu một tháng là 1.500.000 đồng, tổng hai cháu một tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Tại phiên tòa sơ thẩm anh thay đổi mức cấp dưỡng, anh đề nghị được cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức: Không có.

**Bị đơn chị Lê Thị Q trình bày:*

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống như anh N trình bày. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình vợ con dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, xô xát. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Nay anh N làm đơn xin ly hôn chị không đồng ý ly hôn vì chị không muốn con cái phải thiếu thốn tình cảm của bố mẹ. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Q có quan điểm nếu anh N nhất quyết xin ly hôn thì chị đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Hoàng Lê Quỳnh T, sinh ngày 28/11/2009; Hoàng Minh K, sinh ngày 29/12/2012 và Hoàng Minh Đ, sinh ngày 14/11/2018. Nếu ly hôn chị xin được nuôi cả ba con và yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi cháu một tháng là 1.500.000 đồng, tổng ba cháu một tháng là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Tại phiên tòa sơ thẩm, anh N thay đổi mức cấp dưỡng, đề nghị mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật chị nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức: Không có.

Tại Bản án sơ thẩm số: 03/2022/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 02 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Cho ly hôn giữa anh Hoàng N và chị Lê Thị Q.

Về nuôi con chung: Giao cho anh Hoàng N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Lê Quỳnh T, sinh ngày 28/11/2009. Giao cho chị Lê Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Minh K, sinh ngày 29/12/2012 và Hoàng Minh Đ, sinh ngày 14/11/2018.

Anh Hoàng N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q mỗi cháu một tháng là 1.000.000 đồng, tổng hai cháu một tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ tháng 3 năm 2022 cho đến khi từng cháu thành niên.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về công sức: Không có.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02 tháng 3 năm 2022, bị đơn chị Lê Thị Q có đơn kháng cáo với nội dung: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung cho chị được nuôi cả 03 con chung và yêu cầu anh Hoàng N đóng góp tiền nuôi con chung cho chị mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng, tổng 03 cháu là 4.500.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa, anh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị Q giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi vụ án được thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, giao cho anh Hoàng N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Minh K, sinh ngày 29/12/2012. Giao cho chị Lê Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Lê Quỳnh T, sinh ngày 28/11/2009 và Hoàng Minh Đ, sinh ngày 14/11/2018, không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của chị Lê Thị Q trong hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định anh Hoàng N và chị Lê Thị Q có 03 con chung là: Hoàng Lê Quỳnh T, sinh ngày 28/11/2009; Hoàng Minh K, sinh ngày 29/12/2012 và Hoàng Minh Đ, sinh ngày 14/11/2018.

Khi ly hôn, cả anh Hoàng N và chị Lê Thị Q đều có nguyện vọng chính đáng của người làm cha, làm mẹ là được trực tiếp nuôi dưỡng các con. Về phía anh Hoàng N, tại cấp sơ thẩm anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Lê Quỳnh T, giao cháu Hoàng Minh K và Hoàng Minh Đ cho chị Lê Thị Q nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi hai cháu theo quy định của pháp luật; chị Lê Thị Q đề nghị được nuôi cả 03 cháu và yêu cầu anh N cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao cháu T cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu K và cháu Đ cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q 1.000.000 đồng/tháng mỗi cháu, hai cháu là 2.000.000 đồng/tháng, chị Q đã kháng cáo đề nghị được nuôi cả 03 con chung và yêu cầu anh N phải cấp dưỡng với mức 1.500.000 đồng/tháng mỗi cháu, 03 cháu là 4.500.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh đề nghị được nuôi một trong 03 con chung, chị Q không đồng ý mà đề nghị được nuôi cả 03 cháu.

Xét về điều kiện kinh tế, anh N hiện nay đang mở xưởng gia công nhôm kính với mức bình quân thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng (BL 37); chị Q có tổng thu nhập từ việc nuôi cháu Trần Tiến L (con của em gái ruột chị Q), quản lý dãy trọ của em gái, chăm sóc cho bà nội chồng và kinh doanh tự do là 12.400.000 đồng/tháng (BL 40). Ngoài các khoản trên, chị Q không đi làm và cũng không có khoản thu nào khác. Xét thấy, chị Q hiện nay đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Tiến L, sinh

năm 2014, là con của em gái chị Q là chị Lê Thị L1 do vợ chồng chị L1 đang ở nước ngoài. Do đó, nếu chị Q nuôi cả 03 con chung thì không thể đảm bảo được điều kiện tốt nhất cả về thời gian và tâm sức dành cho các cháu. Bên cạnh đó, các khoản thu nhập hiện nay của chị Q đều là thu nhập bị động, không ổn định, nếu sau này vợ chồng chị L1 về nước hoặc chị Q không tiếp tục chăm sóc cho bà nội của chồng chị khi vợ chồng đã ly hôn thì những khoản thu nhập này đều không còn được đảm bảo. Xét thấy anh N và chị Q đều có nguyện vọng được nuôi con và có đủ điều kiện nuôi con chung nên không thể giao cả 03 cháu cho một người nuôi dưỡng. Mặc dù cháu T là nữ, nếu được ở cùng mẹ thì cháu sẽ được phát triển tốt hơn cả về tâm lý và sinh lý và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu. Tuy nhiên, việc giao cháu T cho bố hay mẹ nuôi dưỡng còn căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu và cả những người con chung khác của anh N và chị Q. Cháu K và cháu Đ đều còn nhỏ, cũng cần có sự chăm sóc trực tiếp của chị Q. Chính vì lẽ đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu T cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu K và cháu Đ cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu. Kháng cáo của chị Q về nội dung này không được chấp nhận.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: chị Q kháng cáo đề nghị anh N cấp dưỡng 1.500.000 đồng/ 01 tháng/ 01 cháu, anh N đề nghị được cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định mức cấp dưỡng của anh N là 1.000.000 đồng/cháu/tháng, hai cháu là 2.000.000 đồng/tháng căn cứ vào thu nhập của anh N và chi phí cần thiết để một đứa trẻ được chăm sóc một cách toàn diện. Xét thấy mức cấp dưỡng này đã chiếm 25% tổng thu nhập một tháng của anh N, bên cạnh đó anh N còn trực tiếp nuôi dưỡng cháu T nên cấp sơ thẩm buộc anh N cấp dưỡng nuôi con chung như vậy là có cơ sở. Mặt khác, anh N và chị Q có 03 con chung, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho anh N nuôi một con chung, chị Q nuôi 02 con chung. Lẽ ra, về nghĩa vụ anh N chỉ phải cấp dưỡng tiền nuôi 01 con chung cho chị Q. Tuy nhiên, anh N không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nội dung kháng cáo này của chị Q cũng không được chấp nhận. Nếu sau này thu nhập của chị Q bị ảnh hưởng, không đảm bảo điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con chung thì chị Q có quyền thỏa thuận với anh N hoặc khởi kiện tại Tòa án trong một vụ án khác để thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, ngoài lời trình bày, chị Q không cung cấp được thêm tài liệu chứng cứ nào khác về việc anh N không có trách nhiệm trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con cái. Vì vậy, từ những phân tích trên, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị Lê Thị Q, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giao cháu K cho anh N nuôi, giao cháu T và cháu Đ cho chị Q nuôi. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm anh N đề nghị được nuôi một trong số 03 con chung, con nào cũng được. Xong, chị Q không đồng ý vẫn đề nghị được nuôi cả 03 con. Do anh N không kháng cáo, các đương sự không tự thỏa thuận được nên đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm được quy định tại điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của chị Lê Thị Q không được chấp nhận nên chị Q phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của chị Lê Thị Q.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 03/2022/HNGĐ-ST ngày 18/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Cho ly hôn giữa anh Hoàng N và chị Lê Thị Q.

Về nuôi con chung: Giao cho anh Hoàng N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Lê Quỳnh T, sinh ngày 28/11/2009. Giao cho chị Lê Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Minh K, sinh ngày 29/12/2012 và Hoàng Minh Đ, sinh ngày 14/11/2018.

Anh Hoàng N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q mỗi cháu một tháng là 1.000.000 đồng, tổng hai cháu một tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ tháng 3 năm 2022 cho đến khi từng cháu thành niên.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về công sức: Không có.

[2] Về án phí phúc thẩm: Chị Lê Thị Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Q đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0001368 ngày 03/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phù N;
- TAND huyện Phù N;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Hương